

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 32/2007/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 9 năm 2007

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hoá thông tin  
tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng phát triển đến năm 2020

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao;

Căn cứ Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 219/2005/QĐ-TTg ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển thông tin đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 271/2005/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hoá thông tin cơ sở đến năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2007/NQ-HDND ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVI, kỳ họp thứ 8 về Quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hoá thông tin tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng phát triển đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Văn hoá - Thông tin tại Tờ trình số 52/TTr-VHTT ngày 10 tháng 8 năm 2007 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 97/TTr-SKH ngày 14 tháng 8 năm 2007 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hoá thông tin tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng phát triển đến năm 2020,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hoá thông tin tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng phát triển đến năm 2020, với những nội dung cơ bản sau:

### 1- Quan điểm phát triển

- Xây dựng phát triển sự nghiệp văn hoá, thông tin Tuyên Quang đậm đà bản sắc dân tộc và hiện đại, trên cơ sở bảo tồn, phát huy và kế thừa các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá tiên tiến.

- Bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá; đẩy nhanh phục hồi, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hoá, đáp ứng yêu cầu giáo dục truyền thống và phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển kinh tế du lịch của tỉnh.

- Xã hội hoá các hoạt động văn hoá - thông tin với bước đi thích hợp cho từng loại hình dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước; huy động các nguồn lực trong nhân dân và xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp văn hoá - thông tin, hoàn chỉnh các thiết chế văn hoá.

### 2- Mục tiêu

#### 2.1- Mục tiêu chung

Xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hoá, thông tin của tỉnh tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Chú trọng xây dựng và nâng cao chất lượng phong trào văn hoá, thông tin cơ sở; bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hoá, bản sắc văn hoá truyền thống các dân tộc; đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động dịch vụ văn hoá, thông tin. Phần đầu đến năm 2020, Tuyên Quang là tỉnh có sự nghiệp văn hoá, thông tin phát triển khá trong các tỉnh miền núi phía Bắc; nhân dân có đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh, mức hưởng thụ văn hoá được nâng cao.

#### 2.2- Mục tiêu cụ thể

##### a) Đến năm 2010:

- Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá - thông tin cấp tỉnh: Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Triển lãm tỉnh, Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh); 4 huyện có Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao được đầu tư cơ sở vật chất ban đầu, gồm (Chiêm Hoá, Hàm Yên, Sơn Dương và Na Hang) hoàn thành đầu tư xây dựng Trung tâm Hội nghị tỉnh, Quảng trường tỉnh.

- 100% xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hoá, trong đó trên 57% đạt chuẩn; 80% thôn bản có nhà văn hoá, trong đó trên 19% đạt chuẩn.

- Đạt 0,26 bản báo/người;

- Tách kênh truyền hình địa phương, 97% dân số được phủ sóng phát thanh mặt đất. 93% dân số được phủ sóng truyền hình mặt đất và chương trình VTV2.

- Xuất bản 5 đầu sách/năm, đạt 0,003 bản sách xuất bản/người, sản lượng trang in (13x19) đạt 400 triệu trang/năm; có 8 nhà sách.

- Hoàn thành đầu tư xây dựng Thư viện tỉnh; 100% thư viện huyện được đầu tư xây dựng; 43% số xã có tủ sách trong nhà văn hoá xã; 100% trường học, cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang có tủ sách.

- Hoàn thành đầu tư xây dựng Nhà Bảo tàng tỉnh; hoàn thành phục hồi, tôn tạo 109 di tích cách mạng và kháng chiến, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến ATK- Tuyên Quang; điều tra văn hoá phi vật thể 7 dân tộc; xây dựng và bảo tồn 3 làng văn hoá dân tộc.

- Hoàn thành đầu tư cải tạo, nâng cấp Rạp Tháng Tám, duy trì hoạt động 8 đội chiếu bóng lưu động; xem phim đạt 1,01 lần/người.

- Xem nghệ thuật chuyên nghiệp đạt 0,44 lần/người.

- Trên 85% số hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hoá; trên 70% số thôn, xóm, bản, tổ nhân dân đạt danh hiệu thôn, xóm, bản, tổ nhân dân văn hoá.

- 85% cán bộ văn hoá cấp tỉnh, 70% cán bộ phòng văn hoá cấp huyện, 60% cán bộ Trung tâm Văn hoá - Thông tin cấp huyện có trình độ đại học chuyên ngành văn hoá, thông tin; trên 30% cán bộ văn hoá - xã hội cấp xã có trình độ đại học, cao đẳng chuyên ngành văn hoá hoặc chuyên ngành khác (được bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành văn hoá, thông tin).

*to Đến năm 2020:*

- Cơ bản thiết chế văn hoá, thông tin cơ sở cấp huyện và cấp xã đạt chuẩn; trên 70% thôn, xóm, bản, tổ nhân dân có nhà văn hoá đạt chuẩn.

- Đạt 0,4 bản báo/người; 100% dân số được phủ sóng phát thanh mặt đất; 100% dân số được phủ sóng truyền hình mặt đất; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phát sóng 5 kênh: VTV1, VTV2, VTV3, VTV5 và chương trình của Đài tỉnh.

- Xuất bản trên 10 đầu sách/năm, đạt 0,006 bản sách xuất bản/người; sản lượng trang in (13x19) đạt 500 triệu trang/năm; có 17 nhà sách.

- 100% số xã có tủ sách, nâng cao chất lượng hoạt động của các tủ sách trường học, cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang.

- Cơ bản các di tích lịch sử, văn hoá được xếp hạng; xây dựng và bảo tồn 5 làng văn hoá dân tộc.

- Xem phim đạt trên 1,9 lần/người; xem nghệ thuật chuyên nghiệp đạt 0,6 lần/người.

- Trên 90% số hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hoá, trên 80% số thôn, xóm, bản, tổ nhân dân đạt danh hiệu thôn, xóm, bản, tổ nhân dân văn hoá.

- 90% cán bộ, công chức, viên chức Văn phòng Sở và đơn vị sự nghiệp văn hoá - thông tin cấp tỉnh có trình độ đại học, trong đó 30% có trình độ cao học; 80% cán bộ Phòng văn hoá - thông tin cấp huyện có trình độ đại học, 70% cán

bộ Trung tâm văn hoá - thông tin cấp huyện có trình độ đại học, trong đó 15% có trình độ trên đại học; 70% cán bộ chuyên trách văn hoá - thông tin xã có trình độ đại học, cao đẳng chuyên ngành văn hoá hoặc chuyên ngành khác (được bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành văn hoá, thông tin).

### **3 - Nội dung quy hoạch**

#### **3.1- Phát triển thiết chế văn hoá, thông tin cơ sở:**

##### *a) Từ năm 2007 đến năm 2010:*

- Đầu tư xây dựng Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh, Trung tâm Hội nghị tỉnh, Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Triển lãm tỉnh, Quảng trường tỉnh.

- Đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện Na Hang.

- Xã hội hoá đầu tư xây dựng mới 48 nhà và bổ sung, nâng cấp 32 nhà văn hoá xã. Xây dựng mới 45 nhà và đầu tư nâng cấp 355 nhà văn hoá thôn, bản, tổ nhân dân (*thực hiện Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 31/10/2006 UBND tỉnh đã phê duyệt*).

##### *b) Từ năm 2011 đến năm 2020:*

- Đầu tư Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao: Thị xã Tuyên Quang, huyện Yên Sơn; nâng cấp Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao các huyện: Sơn Dương, Chiêm Hoá, Hàm Yên, đảm bảo 100% Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao cấp huyện đạt chuẩn.

- Xã hội hoá đầu tư bổ sung, nâng cấp 60 nhà văn hoá xã, xây dựng mới 408 nhà và nâng cấp 1250 nhà văn hoá thôn, bản.

#### **3.2- Báo chí, phát thanh - truyền hình**

##### *a) Báo in:*

Từ 2007 đến 2010: Báo Tuyên Quang phát hành 4 kỳ/tuần, số lượng 10.000 bản/kỳ; nâng cấp chất lượng hoạt động Báo Tuyên Quang điện tử. Báo Tân Trào phát hành 12 kỳ/năm, số lượng 1500 bản/kỳ.

Đến năm 2020: Báo Tuyên Quang phát hành 5 kỳ/tuần, số lượng từ 15.000 đến 20.000 bản/kỳ; đa dạng nội dung thông tin trên Báo Tuyên Quang điện tử. Báo Tân Trào tăng 2 kỳ/tháng (24 kỳ/năm), số lượng phát hành trên 2000 bản/kỳ.

##### *b) Phát thanh và Truyền hình:*

- Từ năm 2007 đến năm 2010: Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tiếp sóng truyền hình VTV2; xây dựng 57 trạm truyền thanh FM (132/132 xã có trạm truyền thanh FM), phủ sóng phát thanh mặt đất 97% dân số, phủ sóng truyền hình mặt đất 93% dân số. Tăng thời lượng và nâng cao chất lượng chương trình phát thanh tiếng dân tộc trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; phát triển truyền hình cáp khu vực thị xã Tuyên Quang, huyện Yên Sơn.

- Đến năm 2020: Phủ sóng phát thanh, sóng truyền hình mặt đất 100% dân số; 97% dân số thường xuyên được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài tỉnh; 93% dân số thường xuyên được xem truyền hình Trung ương và địa phương. Phát sóng số mặt đất theo quy hoạch của Đài Truyền hình Việt Nam; phát triển truyền hình cáp khu vực huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa, Sơn Dương.

### **3.3- Xuất bản, in, phát hành:**

#### **a) Xuất bản:**

Từ năm 2007 đến năm 2010, xuất bản sách: Bác Hồ ở Tuyên Quang, Địa chỉ Tuyên Quang; sách về văn hoá truyền thống các dân tộc Tuyên Quang; các di tích, danh lam, thắng cảnh; Làng văn hoá các dân tộc ở Tuyên Quang. Khuyến khích và hỗ trợ các tác giả xuất bản tác phẩm văn học, nghệ thuật phản ánh về đất nước, con người Tuyên Quang. Mỗi năm xuất bản tối thiểu từ 5 đầu sách trở lên, số lượng in và phát hành đạt trên 2500 bản/năm. Đến năm 2020, xuất bản trên 10 đầu sách, với số lượng in và phát hành trên 5000 bản/năm.

#### **b) In:**

Cổ phần hoá Xí nghiệp In Tuyên Quang; đầu tư đổi mới công nghệ in tiên tiến, máy gấp báo, máy tách phim màu; tăng sản lượng trang in từ 300 đến 400 triệu trang, nâng cao chất lượng để sản phẩm in đủ sức cạnh tranh trên thị trường; sắp xếp quy hoạch các cơ sở in lưới trên địa bàn tỉnh. Sau năm 2010 đạt sản lượng trên 400 triệu trang in/năm.

#### **c) Phát hành:**

- Xã hội hoá phát hành sách, văn hoá phẩm, đến năm 2010 toàn tỉnh phát triển 8 nhà sách: Thị xã Tuyên Quang 3 (Nhà sách Kim Đồng; Nhà sách liên doanh với Tổng công ty Phát hành sách Hà Nội; Nhà sách do các thành phần kinh tế đầu tư tại khu vực Rạp Tháng Tám), mỗi huyện có 1 nhà sách. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 17 nhà sách, trong đó: Thành phố Tuyên Quang có 5 nhà sách, mỗi huyện có 2 nhà sách.

- Quy hoạch mạng lưới đại lý phát hành sách, báo, tạp chí: Mỗi phường không quá 10 đại lý; mỗi xã và thị trấn 3 đại lý, tăng cường quản lý Nhà nước đối với phát hành sách và các ấn phẩm văn hoá.

### **3.4- Thư viện**

#### **a) Từ năm 2007 đến năm 2010:**

- Đầu tư xây dựng Thư viện tỉnh, Thư viện huyện Chiêm Hóa (từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá), Thư viện huyện Na Hang trong Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện.

- Nội mạng Internet Thư viện tỉnh với Thư viện Quốc gia; 4 thư viện huyện ứng dụng công nghệ thông tin (Yên Sơn, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Sơn Dương).

- Số lượng sách nhập mới của các thư viện: Thư viện tỉnh 4000 bản/năm, thư viện các huyện 1000 bản/năm, đến năm 2010 đạt 0,36 bản sách/người. Từng

buổi hiện đại hoá trang thiết bị cho các thư viện phục vụ công tác thư mục, tra cứu sách, báo.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng 35 tủ sách trong nhà văn hoá xã, gồm: Huyện Sơn Dương 8, huyện Yên Sơn 9, huyện Hàm Yên 5, huyện Chiêm Hoá 7, huyện Na Hang 4, thị xã Tuyên Quang 2; đến năm 2010 toàn tỉnh có 60 xã có tủ sách trong nhà văn hoá xã.

*b) Từ năm 2011 đến năm 2020:*

- Nội mạng Internet Thư viện tỉnh với thư viện các huyện. Tin học hoá (số hoá) 40% tài liệu quan trọng. Liên kết mạng với thư viện các tỉnh, thành phố trong cả nước.

- Phát triển thư viện điện tử (trong Thư viện tỉnh); Xây dựng Thư viện huyện: Hàm Yên, Yên Sơn (trong Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện), tăng mức nhập sách mới của các thư viện, đạt bình quân 0,43 bản sách/người.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thư viện xã, toàn tỉnh có 140 tủ sách trong nhà văn hoá xã; khuyến khích xây dựng thư viện cơ quan, trường học, thư viện tư nhân.

### *3.5- Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa*

*a) Từ năm 2007 đến năm 2010:*

- Hoàn thành đầu tư xây dựng Bảo tàng tỉnh; đẩy nhanh phục hồi, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử gắn với du lịch sinh thái.

- Cơ bản lập xong hồ sơ các di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến; di tích văn hoá trên địa bàn toàn tỉnh; số hoá bản đồ 100% di tích lịch sử, văn hoá trên địa bàn toàn tỉnh.

- Phục hồi, bảo tồn, tôn tạo 109 di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến; bảo tồn giá trị văn hoá phi vật thể vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến - ATK Tuyên Quang (thực hiện Quyết định số 1483/QĐ-CT ngày 31/10/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh). Tổ chức sưu tầm, thu thập, xác minh các tài liệu, tư liệu lịch sử về Tuyên Quang - Thủ đô khu giải phóng, Thủ đô kháng chiến.

- Tổng điều tra văn hoá phi vật thể 7 dân tộc: Tày, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Nùng, Mông, Pà Thẻn tại 45 thôn, bản thuộc các huyện: Na Hang, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Yên Sơn và Sơn Dương.

- Bảo tồn làng văn hoá gắn với phát triển du lịch, gồm: Làng văn hoá dân tộc Tày, thôn Tân Lập, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương; Làng văn hoá dân tộc Cao Lan (Sán Chay), thôn Giếng Tanh, xã Kim Phú, huyện Yên Sơn; Làng văn hoá các dân tộc khu du lịch Suối khoáng Mỹ Lâm.

- Xã hội hoá hoạt động các câu lạc bộ đàn hát dân ca; hỗ trợ đầu tư bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống các dân tộc, khuyến khích ưu đãi nghề nhân.

- Trưng bày, triển lãm giới thiệu văn hoá truyền thống các dân tộc Tuyên Quang ít nhất 1 lần/năm; tổ chức liên hoan diễn xướng dân gian (hát giao

chuyên, hát đối, dân ca, dân vũ, nhạc cụ dân tộc), trình diễn trang phục dân tộc ít nhất 1 lần/năm tại Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Triển lãm tỉnh.

*b) Từ năm 2011 đến năm 2020:*

- 85% di tích lịch sử văn hoá và danh lam, thắng cảnh trên địa bàn tỉnh được xếp hạng, đặt bia ghi sự kiện tất cả các di tích, danh lam, thắng cảnh để quản lý bảo vệ và khai thác phát huy giá trị di tích.

- Bảo tồn và phát triển làng văn hoá gắn với du lịch: Làng văn hoá dân tộc Tày, Bản Ba, xã Trung Hà, huyện Chiêm Hoá; Làng văn hoá dân tộc Tày, thôn Bó Củng, xã Kim Bình, huyện Chiêm Hoá; Làng văn hoá dân tộc Sán Dìu, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương; Làng văn hoá dân tộc Dao tại bản Phía Trang, xã Sơn Phú, huyện Na Hang; Làng văn hoá dân tộc Dao tại thôn Minh Tiến, xã Minh Hương, huyện Hàm Yên.

- Trưng bày, triển lãm giới thiệu văn hóa truyền thống các dân tộc Tuyên Quang tại Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Triển lãm tỉnh ít nhất 2 lần/năm; tổ chức diễn xướng dân gian các dân tộc ít nhất 1 lần/năm.

### **3.6- Điện ảnh**

*a) Từ năm 2007 đến năm 2010:*

- Liên doanh đầu tư cải tạo, nâng cấp rạp Tháng Tám, Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng; nâng cao chất lượng khai thác phim, mở rộng các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá đáp ứng nhu cầu văn hoá tinh thần của nhân dân tại thị xã Tuyên Quang và các vùng phụ cận.

- Đầu tư sản xuất phim tài liệu, chủ đề phản ánh truyền thống yêu nước, cách mạng, đất nước, con người, bản sắc văn hoá truyền thống các dân tộc Tuyên Quang để phục vụ nhân dân, giao lưu trao đổi văn hoá, giới thiệu quảng bá du lịch.

- Liên doanh, liên kết đầu tư trang thiết bị in nhân bản đĩa hình cho cơ sở in nhân bản, đĩa hình tại Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng. Quy hoạch mạng lưới đại lý bán và cho thuê băng, đĩa hình; xã hội hóa bán và cho thuê băng, đĩa hình; tăng cường quản lý Nhà nước về phát hành băng, đĩa hình.

- Duy trì 8 đội chiếu bóng lưu động, đầu tư trang bị đồng bộ máy chiếu phim 35 ly, máy chiếu video 100 inh và trang thiết bị chuyên dùng cho các đội chiếu bóng lưu động chiếu phim không doanh thu (thực hiện Nghị định số 96/2007/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện ảnh), tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trước buổi chiếu.

*b) Từ năm 2011 đến năm 2020:*

- Điều chỉnh hoạt động của các đội chiếu bóng lưu động phù hợp với xu hướng phát triển của điện ảnh.

- Phát triển dịch vụ điện ảnh.

### **3.7- Thông tin cổ động, mỹ thuật - nhiếp ảnh, quảng cáo, nhà hàng karaoke**

#### **a) Thông tin cổ động:**

- Từ năm 2007 đến 2010: Bổ sung đủ biên chế cho các đội Thông tin lưu động theo đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, trang bị phương tiện xe văn hoá thông tin lưu động của chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá cho 100% đội thông tin, nâng cao khả năng cơ động và chất lượng tuyên truyền cổ động, triển lãm ảnh trên địa bàn toàn tỉnh. Sau năm 2010 cấp trang thiết bị nghe nhìn, máy camera cho các đội thông tin lưu động.

- Phổ cập dịch vụ Internet theo các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội và nâng cao dân trí; kết nối Internet băng rộng đến tất cả các cơ quan đơn vị, xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Sau năm 2010 phổ cập dịch vụ viễn thông cố định đến tất cả các hộ gia đình, dịch vụ viễn thông truy cập qua mạng vô tuyến, đạt mật độ thuê bao 60%.

#### **b) Mỹ thuật - nhiếp ảnh:**

- Đến năm 2010: Hoàn thành xây dựng nâng cấp bia Chiến thắng Cầu Cỏ, tại xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hoá; bia Chiến thắng Khe Lau, tại xã Thắng Quân, huyện Yên Sơn; nâng cấp bia Chiến thắng trận địa lồi Km7, tại xã Trung Môn, huyện Yên Sơn (thực hiện Quyết định số 1483/QĐ-CT ngày 31/10/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Tổ chức trại sáng tác mỹ thuật, nhiếp ảnh ít nhất 1 cuộc/năm; hỗ trợ tác giả, nhóm tác giả có hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình nghệ thuật chất lượng cao phản ánh về đời sống, xã hội và con người Tuyên Quang.

#### **c) Quảng cáo, nhà hàng karaoke:**

- Quy hoạch quảng cáo giới thiệu sản phẩm trên trục đường tránh thị xã Tuyên Quang (đoạn từ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đến xã Lương Vượng); Quốc lộ 37 đoạn từ Cầu Chả đến khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, đoạn từ xã Thái Long qua xã Thượng Âm; tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Quy hoạch các điểm, cụm quảng cáo trên địa bàn thị xã Tuyên Quang 10 điểm; huyện Sơn Dương, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Yên Sơn mỗi huyện 5 điểm, Na Hang 7 điểm.

- Quy định quảng cáo sản phẩm và biển hiệu của các cơ sở kinh doanh trên địa bàn toàn tỉnh.

- Quy hoạch nhà hàng karaoke ở xã, phường, cụm dân cư, khu công nghiệp tập trung trên địa bàn (khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị Long Bình An; khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm; khu công nghiệp - dịch vụ các huyện), đáp ứng hưởng thụ văn hoá của nhân dân, đồng thời tăng cường sự quản lý của Nhà nước, đảm bảo xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh.

### **3.8- Nghệ thuật biểu diễn**

#### **a) Từ năm 2007 đến năm 2010:**

- Duy trì Đoàn Nghệ thuật tỉnh là đơn vị sự nghiệp có thu, hoạt động tổng hợp, nâng cao chất lượng dàn dựng vở, chương trình biểu diễn.

- Cùng cố, duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động các đội văn nghệ dân gian truyền thống ở các xã Đại Phú (Sơn Dương), Đà Vị, Sơn Phú (Na Hang), Tân An (Chiêm Hóa), Minh Hương (Hàm Yên).

*b) Từ năm 2011 đến năm 2020:*

- Thành lập Đoàn Nghệ thuật dân gian Tuyên Quang.

- Đoàn Nghệ thuật tỉnh tự bảo đảm 50% kinh phí hoạt động biểu diễn.

- Xã hội hóa hoạt động của các đội văn nghệ quần chúng xã, phường, thị trấn; khuyến khích khai thác, phát triển các tiết mục văn nghệ dân gian truyền thống.

### **3.9- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực**

*a) Từ năm 2007 đến năm 2010:*

- Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ văn hoá - thông tin từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo cơ cấu đào tạo hợp lý theo từng chuyên ngành; phần đầu có 85% cán bộ, công chức công tác tại Văn phòng Sở Văn hoá - Thông tin, các đơn vị sự nghiệp trong ngành và các thiết chế văn hoá thông tin cơ sở cấp tỉnh (Bảo tàng, Thư viện, Đoàn Nghệ thuật, Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng, Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Triển lãm tỉnh, Trung tâm Văn hóa Thể thao Thanh thiếu nhi, Nhà Văn hóa Liên đoàn Lao động tỉnh) có trình độ đại học trở lên; 70% cán bộ, công chức các Phòng Văn hoá - Thông tin và Thể thao 60% cán bộ, công chức các Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao cấp huyện có trình độ đại học trở lên; trên 30% số xã có cán bộ văn hoá- xã hội có trình độ cao đẳng, đại học chuyên ngành văn hoá hoặc chuyên ngành khác nhưng được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý văn hoá - thông tin.

- Xây dựng Trường Trung học Văn hoá - Nghệ thuật tỉnh.

*b) Từ năm 2011 đến năm 2020:*

Phần đầu 90% cán bộ, công chức của Văn phòng sở, các đơn vị sự nghiệp trong ngành và các thiết chế văn hoá thông tin cơ sở cấp tỉnh (Bảo tàng, Thư viện, Đoàn Nghệ thuật, Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng, Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Triển lãm tỉnh, Trung tâm Văn hóa Thể thao thanh thiếu nhi tỉnh, Nhà Văn hóa Liên đoàn Lao động tỉnh) có trình độ đại học trở lên, trong đó 30% có trình độ cao học; đảm bảo cơ cấu đào tạo hợp lý theo từng chuyên ngành; 80% cán bộ, công chức các Phòng Văn hoá - Thông tin và Thể thao, 70% cán bộ, công chức các Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao cấp huyện có trình độ đại học trở lên, trong đó 15% có trình độ trên đại học; 70% số xã có cán bộ văn hoá - xã hội có trình độ cao đẳng, đại học chuyên ngành văn hoá hoặc chuyên ngành khác nhưng được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý văn hoá - thông tin.

### **4. Các giải pháp thực hiện**

#### **4.1- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị**

##### *a) Từ năm 2007 đến năm 2010:*

- Tập trung đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm: Bảo tàng tỉnh, Đoàn Nghệ thuật tỉnh; Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh; Trung tâm Hội nghị tỉnh; cải tạo, nâng cấp Rạp Tháng Tám, Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng; Thư viện tỉnh; Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Triển lãm tỉnh; Quảng trường tỉnh; Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện Na Hang.

- Hoàn thành Dự án đầu tư phục hồi, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến, bảo tồn giá trị văn hoá phi vật thể vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến - ATK; phục dựng chùa Bảo Ninh Sùng Phúc, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hoá; đầu tư xây dựng các công trình: Bia chiến thắng Khe Lau (xã Thắng Quân, huyện Yên Sơn); nâng cấp bia chiến thắng Cầu Cà (xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa), bia chiến thắng trận địa lồi Km7 (xã Trung Môn, huyện Yên Sơn); chống xuống cấp thành Nhà Mạc (thành Tuyên Quang, thị xã Tuyên Quang).

- Nâng cấp và đầu tư trang thiết bị Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

- Nâng cấp Quảng trường Tân Trào, đáp ứng nhu cầu tổ chức Lễ hội cách mạng tại khu vực xã Tân Trào.

##### *b) Từ năm 2011 đến năm 2020:*

- Đầu tư xây dựng các Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao thị xã Tuyên Quang, huyện Yên Sơn; nâng cấp Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện: Sơn Dương, Chiêm Hoá, Hàm Yên.

- Nâng cấp và đầu tư trang thiết bị Báo Tuyên Quang, Xí nghiệp In; xây dựng Trụ sở làm việc của Hội Văn học Nghệ thuật và Báo Tân Trào.

- Đầu tư nâng cấp công viên Tân Quang, công viên Sông Lô (từ ngã ba Quảng trường đến Cầu Chà). Xây dựng các công viên văn hoá, khu vui chơi giải trí gắn với Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao cấp huyện; đổi mới cấp xã gắn với nhà văn hoá xã.

- Xây dựng Làng văn hoá các dân tộc gắn với phát triển du lịch.

#### **4.2- Về sử dụng đất đai**

- Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả quỹ đất 211 ha dành cho phát triển sự nghiệp văn hoá - thông tin đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 08/2006/NQ- CP ngày 26 tháng 5 năm 2006 về việc Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 tỉnh Tuyên Quang.

- Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Triển lãm tỉnh cần 20.000 m<sup>2</sup> trở lên; Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao cấp huyện tối thiểu 2.500 m<sup>2</sup>; Nhà văn hoá cấp xã diện tích đất sử dụng 1000 m<sup>2</sup> trở lên, đối với các xã

vùng cao, bảo đảm diện tích tối thiểu từ 700 m<sup>2</sup> trở lên; Nhà văn hoá thôn, bản: diện tích đất sử dụng 500m<sup>2</sup> trở lên, đối với thôn, bản vùng cao tối thiểu 300 m<sup>2</sup>, khu vực thị xã tối thiểu 200 m<sup>2</sup>.

- Đối với các công trình văn hoá, thông tin chưa có hướng dẫn về định mức sử dụng đất, diện tích đất để xây dựng, khi quy hoạch công trình phải phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và yêu cầu phục vụ của công trình.

#### **4.3- Liên kết, lồng ghép mục tiêu phát triển văn hoá với các lĩnh vực khác**

- Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển văn hoá với phát triển du lịch, đặc biệt khai thác di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến với du lịch sinh thái.

- Lồng ghép xây dựng công trình văn hoá với công trình thể thao, khu vui chơi giải trí của trẻ em tại trung tâm tỉnh, trung tâm cấp huyện, cấp xã và ở cơ sở; xây dựng trạm truyền thanh cơ sở gắn với xây dựng nhà văn hoá xã; phối hợp với Bưu điện tỉnh nâng cao chất lượng hoạt động của các điểm Bưu điện - văn hoá xã.

#### **4.4- Củng cố tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ**

- Kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy của Sở Văn hoá - Thông tin; đơn vị sự nghiệp văn hoá từ tỉnh đến cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

- Chú trọng công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, người hoạt động văn hoá nghệ thuật; thu hút và đãi ngộ tài năng văn hoá - nghệ thuật.

- Xây dựng Trường Trung học Văn hoá - nghệ thuật tỉnh để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hoá - thông tin cơ sở và tài năng nghệ thuật đáp ứng phát triển sự nghiệp văn hoá - thông tin.

#### **4.5- Hệ thống cơ chế chính sách**

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý đáp ứng phát triển sự nghiệp văn hoá, thông tin thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập.

- Tăng ngân sách đầu tư cho sự nghiệp văn hoá theo mức tăng trưởng kinh tế của tỉnh và không thấp hơn mức 1,8% tổng ngân sách hàng năm (*Mức đầu tư cho sự nghiệp văn hoá - thông tin được Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX xác định*).

- Chú trọng phát hiện và bồi dưỡng tài năng văn hoá - nghệ thuật; xét đề nghị phong tặng danh hiệu nghệ sỹ ưu tú, công nhận nghệ nhân nghệ truyền thống tiêu biểu, nghệ nhân văn hoá dân gian tiêu biểu.

- Tiếp tục thực hiện Quy chế tặng giải thưởng Tân Trào đối với tác phẩm văn học - nghệ thuật; khen thưởng kịp thời văn nghệ sỹ, người có công bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá dân gian các dân tộc.

#### **4.6- Nghiên cứu khoa học**

- Thực hiện Dự án Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá các dân tộc thiểu số tỉnh Tuyên Quang.

- Hoàn thành biên soạn, xuất bản Địa chí tỉnh Tuyên Quang.

- Hoàn thành các đề tài nghiên cứu khoa học văn hoá truyền thống dân tộc: Tày, Dao, Cao Lan, Sán Dìu, Mông, Pà Thẻn, Nùng, dân tộc Thuý ở Tuyên Quang.

- Hoàn thành các đề tài nghiên cứu, bảo tồn: Nhà ở truyền thống, nghề truyền thống của các dân tộc.

- Hoàn thành đề tài nghiên cứu văn hoá Tuyên Quang thời kỳ đổi mới.

#### **4.7- Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá**

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ đầu tư công trình, hỗ trợ hoạt động của các thiết chế văn hoá; tham gia đầu tư kinh doanh phát triển các dịch vụ văn hoá, rạp chiếu phim, rạp hát; đến năm 2010, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá được 24%; giai đoạn 2011 đến 2020 đạt từ 62% trở lên.

- Đẩy mạnh xã hội hoá các hình thức tổ chức hoạt động và sở hữu lợi ích từ hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá. Chuyển dần các đơn vị sự nghiệp văn hoá thành đơn vị cung cấp dịch vụ và cung cấp các sản phẩm văn hoá theo hướng xã hội hoá tự chịu trách nhiệm về thu, chi tài chính. Huy động xã hội hoá giai đoạn 2006 - 2010 bằng 25% kinh phí hoạt động văn hoá thông tin, đến năm 2020 bằng 35%.

- Đối với cấp xã thực hiện cơ chế Nhà nước và nhân dân cùng làm, địa phương cơ sở chủ động huy động kinh phí xây dựng công trình, trang thiết bị và kinh phí hoạt động.

- Ở thôn, xóm, bản, tổ nhân dân, huy động tổ chức, cá nhân và nhân dân trên địa bàn đóng góp kinh phí xây dựng công trình và tổ chức hoạt động, vùng có hoàn cảnh đặc biệt được hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình văn hoá.

**5- Nhu cầu về tổng vốn đầu tư: 536.690,0 triệu đồng.**

**5.1- Giai đoạn 2007- 2010: 382.190,0 triệu đồng.**

*Cơ cấu nguồn vốn gồm:*

- Vốn ngân sách Trung ương
- Vốn ngân sách địa phương
- Vốn huy động hợp pháp khác

**5.2- Giai đoạn 2011 - 2020: 154.500,0 triệu đồng.**

*Cơ cấu nguồn vốn gồm:*

- Vốn ngân sách Trung ương
- Vốn ngân sách địa phương
- Vốn huy động hợp pháp khác

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

1- Các quy hoạch chi tiết, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển sự nghiệp văn hóa thông tin trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa thông tin đã được phê duyệt.

2- Sở Văn hoá - Thông tin có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã và các cơ quan liên quan lập quy hoạch chi tiết, xây dựng các đề án, kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

- Nghiên cứu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp, cơ chế, chính sách trong quá trình thực hiện; thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện.

3- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và địa bàn quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa thông tin tỉnh Tuyên Quang được phê duyệt tại Quyết định này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của ngành, địa phương.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Văn hoá - Thông tin, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

### Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch;
- Các đồng chí UV Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thị ủy;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Ban VHXX HDND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Trung tâm Công báo - VP UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Trưởng, phó các Phòng khối NCTH-VPUBND tỉnh;
- CV: NC, VX, TC;
- Lưu VT. (N.100bản)

(báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH

  
Lê Thị Quang

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP VĂN HOÁ - THÔNG TIN

Biểu số 1

Đến năm 2010, định hướng đến năm 2020

(Kèm theo Quyết định số 32/2007/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2005	Kế hoạch 2006 - 2010						Kế hoạch đến 2020	Tốc độ P.T thời kỳ 2005/2010 (%)	Tốc độ P.T thời kỳ 2010/2020 (%)
				TH 2006	KH 2007	KH 2008	KH 2009	KH 2010				
1	Số nhà văn hoá tỉnh (ngành văn hoá - thông tin và ngành khác quản lý)	Nhà	3	3	3	3	3	3	3	3	100	100
2	Số nhà văn hoá huyện		3	3	3	4	5	6	6	6	200	100,0
3	Số xã, phường, thị trấn có nhà văn hoá	Xã, phường	91	92	102	113	125	140	140	140	153,8	100
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có nhà văn hoá	%	62,75	65,71	72,85	80,71	89,28	100	100	100		
4	Số đội thông tin lưu động chuyên nghiệp	Đội	6	7	7	7	7	7	7	8	116,7	114,2
5	Số xã có đội văn nghệ quần chúng	Xã	145	145	140	140	140	140	140	140		

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6	Số thư viện hoạt động	Thư viện	6	6	6	6	6	6	7	100	116,6
7	Số xã, phường có tủ sách trong nhà văn hoá	Xã, phường		25	51	77	103	140	140	100	100
8	Tổng số sách có trong thư viện	Ngành bản	243,04	249,46	258,46	267,46	276,46	285,46	385,46	117,4	135,0
9	Tổng số sách xuất bản	Triệu bản	0,003	0,003	0,003	0,003	0,003	0,003	0,005	100	166,6
10	Tổng số báo xuất bản	Triệu tờ	21,6	21	21	21	21	21	21	100	100
11	Tổng số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hoá	Tổng số hộ	156.463	162.578	166.698	170.782	174.876	178.970	199.105	114,4	111,3
		Số hộ đạt	125.600	118.681	126.683	134.917	143.398	152.124	179.195	121,1	117,8
		% đạt	80,2	73	81	83	84	> 85	> 90		
12	Tổng số thôn, bản, tổ nhân dân đạt danh hiệu thôn, bản văn hoá	Tổng số thôn, bản	2.080	2.043	2.058	2.058	2.058	2.058	2.058	98,9	100
		Số thôn, bản đạt	1.540	918	1.070	1.235	1.400	1.450	1.650	107,1	106,5
		% đạt	74	45	52	60	68	> 70	> 80		

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HƯỚNG THỤ VĂN HOÁ**  
**Đến năm 2010, định hướng đến năm 2020**

(Kèm theo Quyết định số 32/2007/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2020
1	Số sách xuất bản	Bản/người	0,003	0,006
2	Số bản sách thư viện	Bản/người	0,36	0,43
3	Xem phim	Lần xem/ người	1,01	1,91
4	Xem nghệ thuật chuyên nghiệp	Lần xem/ người	0,44	0,58
5	Xem nghệ thuật quần chúng	Lần xem/ người	7	10
6	Số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hoá	Tỷ lệ/ tổng số hộ	>85%	>90%
7	Số thôn, bản, tổ nhân dân đạt danh hiệu thôn, bản, tổ nhân dân văn hoá	Tỷ lệ/ tổng số thôn, bản	>70%	>80%

## DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ

### Đến năm 2010, định hướng đến năm 2020

(Kèm theo Quyết định số 32/2007/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 9 năm 2007 của ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Dự án	Địa điểm	Thời gian đầu tư	Khái toán vốn đầu tư	Trong đó		
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Nguồn vốn huy động khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG SỐ</b>			536.690	75.955	272.990	187.745
<b>I</b>	<b>Từ năm 2007 đến năm 2010</b>			382.190	57.265	232.690	92.235
1	Dự án xây dựng trụ sở Đoàn Nghệ thuật tỉnh	Thị xã Tuyên Quang	2007	6.200		6.200	
2	Dự án xây dựng Nhà Bảo tàng tỉnh	Thị xã Tuyên Quang	2007 - 2008	46.000		46.000	
3	Dự án xây dựng Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh	Thị xã Tuyên Quang	2007 - 2008	18.900	14.500	4.400	
4	Dự án xây dựng Trung tâm Hội nghị tỉnh	Thị xã Tuyên Quang	2008 - 2009	100.600		90.000	10.600
5	Dự án xây dựng Quảng trường tỉnh	Thị xã Tuyên Quang	2008 - 2009	40.000		30.000	10.000
6	Dự án xây dựng Thư viện tỉnh	Thị xã Tuyên Quang	2007 - 2008	13.000		13.000	

1	2	3	4	5	6	7	8
7	Dự án phục hồi, tôn tạo khu di tích lịch sử của Chính phủ	Huyện Sơn Dương	2007 - 2008	16.000	16.000		
8	Dự án phục hồi, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng thuộc "Chiến khu Việt Bắc" tỉnh Tuyên Quang	Huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá	2006 - 2010	30.000	20.000		10.000
9	Dự án nâng cấp và bổ sung công trình Nhà Bảo tàng Tân Trào- ATK	Huyện Sơn Dương	2007 - 2008	4.300		4.300	
10	Dự án xây dựng Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng hình	Thị xã Tuyên Quang	2007 - 2009	18.000		5.000	13.000
11	Dầu tư cải tạo nâng cấp trụ Sở Văn hoá - Thông tin	Thị xã Tuyên Quang	2007	4.000		4.000	
12	Dự án xây dựng Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Triển lãm tỉnh	Thị xã Tuyên Quang	2008 - 2009	50.000	5.000	25.000	20.000
13	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện Na Hang	Huyện Na Hang	2008- 2009	7.000	100	3.900	3.000
14	Dầu tư xây dựng nhà văn hoá xã	Tại các xã	2008-2010	14.400	1.440		12.960
15	Hỗ trợ đầu tư xây dựng tủ sách xã	Tại các NVII xã	2008-2010	890		890	
16	Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị nhà văn hoá thôn, bản	400 thôn	2008- 2010	12.900	225		12.675

11	Giai đoạn 2011 - 2020				<b>154.500</b>	<b>18.690</b>	<b>40.300</b>	<b>95.510</b>
1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện Yên Sơn	Huyện Yên Sơn	2011	7.000	100	3.900	3.000	
2	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm VHHTT-TT thị xã Tuyên Quang	Thị xã Tuyên Quang	2011	4.000	100	2.900	1.000	
3	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện Sơn Dương	Huyện Sơn Dương	2012	4.000	100	2.900	1.000	
4	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện Chiêm Hoá	Huyện Chiêm Hoá	2012	4.000	100	2.900	1.000	
5	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện Hàm Yên	Huyện Hàm Yên	2012	4.000	100	2.900	1.000	
6	Dự án cải tạo nâng cấp Xi nghiệp In Tuyên Quang	Thị xã Tuyên Quang	2013	3.000			3.000	
7	Dự án xây dựng Hội Văn học - nghệ thuật và Bảo Tồn Triểu	Thị xã Tuyên Quang	2014	3.000		2.500	500	

8	Dự án cải tạo nâng cấp Bảo Tuyền Quang	Thị xã Tuyền Quang	2015	3.000		2.500	500
9	Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị cho nhà văn hoá thôn, bản (xây mới 408 nhà, nâng cấp 1250 nhà)	Tại thôn, bản	2011- 2020	82.900	8.290		74.610
10	Xây dựng 132 điểm vui chơi cho trẻ em	Tại các xã	2011- 2020	39.600	9.900	19.800	9.900